

Số: 72 /2024/QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 ngày 6 tháng 2024 sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số
27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ
chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
9289/TTr-STNMT-QLĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024 và Báo cáo thẩm định số
5739/STP-VB ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông
nghiệp của cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Hạn mức này không quy định đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc
dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất chăn nuôi tập trung, đất nông
nghiệp khác theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân có nhu cầu nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp.

2. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức có thẩm quyền thực hiện các thủ tục nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân.

Điều 3. Điều kiện nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân

1. Việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp phải đảm bảo các điều kiện được quy định tại Điều 45 Luật Đất đai.

2. Việc thực hiện chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp phải đảm bảo điều kiện được quy định tại Điều 47 Luật Đất đai.

Điều 4. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân

1. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối của mỗi cá nhân để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp được quy định như sau:

a) Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối không quá 45 ha (*bốn mươi lăm héc ta*) đối với tất cả các xã, phường, thị trấn.

b) Đất trồng cây lâu năm không quá 150 ha (*một trăm năm mươi héc ta*) đối với tất cả các xã, phường, thị trấn.

c) Đất rừng sản xuất là rừng trồng không quá 450 ha (*bốn trăm năm mươi héc ta*) đối với tất cả các xã, phường, thị trấn.

2. Trường hợp cá nhân nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp bao gồm nhiều loại đất (đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối) thì hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân đó được xác định theo từng loại đất quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức

a) Chịu trách nhiệm rà soát và xác định đúng phạm vi, đối tượng áp dụng theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

b) Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các quận, huyện và thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Xây dựng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- TTUB, CT, các PCT;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VPUB: các PCVP;
- Các Phòng nghiên cứu tổng hợp;
- TTHH, Công báo, BTCD;
- Lưu VT (ĐT/LT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Xuân Cường